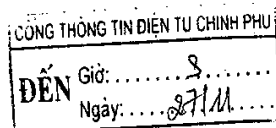


BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ NỘI VỤ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015



THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp
viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật**

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật

1. Chức danh bảo vệ thực vật
 - a) Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II - Mã số: V.03.01.01
 - b) Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III - Mã số: V.03.01.02
 - c) Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV - Mã số: V.03.01.03
2. Chức danh giám định thuốc bảo vệ thực vật
 - a) Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II - Mã số: V.03.02.04
 - b) Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III - Mã số: V.03.02.05
 - c) Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV - Mã số: V.03.02.06
3. Chức danh kiểm nghiệm cây trồng
 - a) Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II - Mã số: V.03.03.07
 - b) Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III - Mã số: V.03.03.08
 - c) Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV - Mã số V.03.03.09

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành bảo vệ thực vật

1. Tâm huyết với nghề, chủ động nghiên cứu, khiêm tốn học hỏi, áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong công tác.
2. Có tinh thần đoàn kết nội bộ, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Chấp hành nghiêm túc các quy định, quy chế hoạt động nghề nghiệp.
4. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II - Mã số: V.03.01.01

1. Nhiệm vụ
 - a) Chủ trì xây dựng kế hoạch, phương án kỹ thuật bảo vệ thực vật và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án tại địa bàn hoặc lĩnh vực được giao;
 - b) Chủ trì tổ chức điều tra, thu thập số liệu, thông tin, tổng hợp và phân tích các số liệu, thông tin đó, đánh giá tình hình, tổng kết rút kinh nghiệm về

bảo vệ thực vật trong địa bàn hoặc lĩnh vực được giao; trên cơ sở đó đề xuất chủ trương, biện pháp bổ sung sửa đổi các quy trình, quy phạm kỹ thuật bảo vệ thực vật;

c) Tham gia bổ sung, sửa đổi các quy định pháp luật về bảo vệ thực vật; chủ trì việc tổ chức tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cấp trên xử lý những hành vi vi phạm các quy định đó;

d) Tham gia kiểm tra và giải quyết những tranh chấp, khiếu nại về chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực được giao khi có yêu cầu;

đ) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về bảo vệ thực vật cấp ngành, cấp nhà nước trong lĩnh vực được giao; triển khai, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về chuyên ngành bảo vệ thực vật;

e) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng mục tiêu, chương trình, nội dung, biên soạn tài liệu và tổ chức thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ thực vật cho các hạng viên chức thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên chuyên ngành bảo vệ thực vật hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và ngành có liên quan đến bảo vệ thực vật;

b) Nắm vững các văn bản pháp luật về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật và các quy định pháp luật khác có liên quan; nắm được những điểm cơ bản của pháp luật bảo vệ thực vật quốc tế và các nước có liên quan;

c) Nắm được những đặc điểm có tính quy luật của quá trình diễn biến trong sản xuất trồng trọt tác động đến công tác bảo vệ thực vật và ngược lại.

Nắm được tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước có liên quan đến công tác bảo vệ thực vật;

d) Có năng lực nghiên cứu khoa học, nắm vững những thành tựu khoa học công nghệ và kinh nghiệm tiên tiến về bảo vệ thực vật và liên quan đến bảo vệ thực vật trong và ngoài nước;

đ) Nắm được lý luận cơ bản về phòng trừ và điều khiển tổng hợp quy luật phát sinh phát triển của sinh vật gây hại và thiên địch, về phương pháp xác định ngưỡng kinh tế, hiệu quả kinh tế kỹ thuật trong hoạt động bảo vệ thực vật;

e) Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin, khai thác và ứng dụng các thông tin về bảo vệ thực vật trong và ngoài nước;

g) Chủ trì hoặc tham gia công trình nghiên cứu khoa học hoặc đề án đã được Hội đồng khoa học cấp bộ hoặc cấp tỉnh công nhận và đưa vào áp dụng có hiệu quả.

4. Việc thăng hạng chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II

Viên chức thăng hạng từ chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II phải có thời gian giữ chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III tối thiểu đủ 02 (hai) năm.

Điều 5. Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III - Mã số: V.03.01.02

1. Nhiệm vụ

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án kỹ thuật về công tác bảo vệ thực vật trong đơn vị và địa bàn được giao;

b) Tổ chức và thực hiện toàn bộ quy trình hoặc một phần quy trình phòng trừ tổng hợp sinh vật gây hại trong địa bàn;

c) Điều tra, thu thập, phân tích số liệu, thông tin để tổng hợp, đánh giá tình hình bảo vệ thực vật trong địa bàn và hoạt động nghiệp vụ kỹ thuật của đơn vị, trên cơ sở đó đề xuất: các biện pháp giải quyết những yêu cầu đột xuất phục vụ sản xuất; đề xuất việc bổ sung, sửa đổi các quy trình, quy phạm, quy định của pháp luật bảo vệ thực vật cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của địa bàn được giao;

d) Xây dựng hoặc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài khảo sát thực nghiệm các biện pháp kỹ thuật phòng trừ sinh vật gây hại, các quy trình phòng trừ tổng hợp các sinh vật gây hại cho cây trồng;

d) Tập huấn cho nông dân, bồi dưỡng cho công nhân và viên chức hạng thấp hơn về kỹ thuật bảo vệ thực vật, xây dựng mạng lưới cộng tác viên bảo vệ thực vật trong địa bàn;

e) Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông về bảo vệ thực vật và các chương trình dự án về bảo vệ thực vật, hướng dẫn ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về bảo vệ thực vật vào sản xuất trên địa bàn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành bảo vệ thực vật hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và ngành có liên quan đến bảo vệ thực vật;

b) Nắm được các quy định của pháp luật về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật và thuốc bảo vệ thực vật;

c) Nắm được các quy trình, quy phạm phòng trừ sinh vật gây hại trong địa bàn được giao và những nguyên tắc của quy trình phòng trừ tổng hợp sinh vật gây hại, phương pháp khảo sát, thực nghiệm về bảo vệ thực vật;

d) Nắm được tình hình sản xuất, bảo vệ thực vật trong địa bàn được giao và tình hình chính trị, kinh tế - xã hội liên quan;

đ) Nắm được phương pháp khảo sát, thực nghiệm về bảo vệ thực vật; nắm được cách thu thập và những yêu cầu về số liệu, thông tin để xử lý bằng máy vi tính phục vụ cho việc chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại;

4. Việc thăng hạng chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III

Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III phải đáp ứng đủ các quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này và có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, phải có thời gian công tác giữ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

b) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp, phải có thời gian công tác giữ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

Điều 6. Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV - Mã số: V.03.01.03

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện nhiệm vụ tại điểm mẫu hoặc điểm mô hình và hướng dẫn công nhân, nông dân áp dụng trên diện rộng những biện pháp mới, các tiến bộ khoa học công nghệ về bảo vệ thực vật, hoặc tổ hợp biện pháp của quy trình phòng trừ tổng hợp sinh vật gây hại trong địa bàn được giao;

b) Thực hiện các chỉ tiêu theo dõi về: sự biến động của tính chống chịu sinh vật gây hại của các giống cây trồng chủ yếu trong địa bàn; về tính kháng thuốc và tính chống chịu do sử dụng các biện pháp trừ diệt khác của sinh vật gây hại chính trên các cây trồng chủ yếu trong địa bàn;

c) Điều tra tại một số điểm điển hình về tình hình hoạt động bảo vệ thực vật, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của các biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại và hướng dẫn công nhân, nông dân ghi chép, báo cáo về tình hình này tại các cơ sở sản xuất trong toàn địa bàn được giao;

d) Thu thập thông tin, số liệu và xử lý ban đầu các thông tin, số liệu về tình hình bảo vệ thực vật, lập bảng biểu, báo cáo theo quy định;

đ) Thực hiện một hoặc một số khâu của quy trình khảo sát thực nghiệm các biện pháp bảo vệ thực vật; quan trắc, ghi chép các chỉ tiêu khảo sát, thực nghiệm đó, lập bảng biểu, báo cáo theo quy định;

e) Thực hiện đúng kỹ thuật sử dụng thuốc, bơm thuốc và các vật tư thiết bị dụng cụ phòng trừ sinh vật gây hại. Chịu trách nhiệm cá nhân về các vật tư, thiết bị dụng cụ đó. Hướng dẫn công nhân, nông dân sử dụng, bảo quản đúng kỹ thuật thuốc, bơm thuốc và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên phù hợp chuyên ngành bảo vệ thực vật;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm

2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương của ngành về bảo vệ thực vật và những quy định của pháp luật về bảo vệ thực vật có liên quan đến nhiệm vụ được giao;

b) Nắm được phương pháp quan trắc, ghi chép, thống kê, xử lý ban đầu các chỉ tiêu điều tra, theo dõi thí nghiệm và phương pháp tiến hành một hoặc nhiều khâu khảo sát, thực nghiệm được giao;

c) Nắm được quy trình, quy phạm bảo vệ thực vật;

d) Nắm được tính năng, tác dụng, phương pháp sử dụng các thiết bị, vật tư bảo vệ thực vật và vật tư, thiết bị khảo sát, thực nghiệm bảo vệ thực vật.

Chương III

**TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
CHUYÊN NGÀNH GIÁM ĐỊNH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Điều 7. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành giám định thuốc bảo vệ thực vật

1. Tâm huyết với nghề, chủ động nghiên cứu, khiêm tốn học hỏi, áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong công tác;

2. Có tinh thần đoàn kết nội bộ, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao;

3. Chấp hành nghiêm túc các quy định, quy chế hoạt động nghề nghiệp;

4. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

5. Có trách nhiệm quản lý tài sản vật tư, máy móc và các trang thiết bị, tài liệu phục vụ công tác giám định thuốc bảo vệ thực vật.

**Điều 8. Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II - Mã số:
V.03.02.04**

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức và thực hiện kế hoạch, phương án hoạt động về kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

b) Chủ trì toàn bộ và thực hiện những khâu phức tạp trong quy trình kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

c) Kiểm tra lại kết quả kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật của hạng viên chức thấp hơn; tổng hợp, đánh giá tình hình công tác giám định

thuốc bảo vệ thực vật của đơn vị và của địa bàn được giao, trên cơ sở đó đề xuất chủ trương, biện pháp xây dựng chế độ, chính sách phù hợp với thực tế của từng thời kỳ;

d) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về phương pháp kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; đề xuất việc xây dựng bổ sung, sửa đổi quy trình, quy phạm kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

đ) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng mục tiêu, chương trình, nội dung, soạn thảo tài liệu và tổ chức, thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật cho các chức danh nghề nghiệp hạng thấp hơn;

e) Tham gia xây dựng cơ sở kỹ thuật giám định thuốc bảo vệ thực vật của đơn vị và địa bàn được giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên chuyên ngành bảo vệ thực vật hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của ngành có liên quan đến công tác về thuốc bảo vệ thực vật;

b) Nắm vững pháp luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các quy định pháp luật có liên quan;

c) Nắm vững quy trình, quy phạm kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

d) Nắm được tình hình bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, tình hình quản lý, kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật trong và ngoài nước;

đ) Có năng lực nghiên cứu khoa học, nắm được các thành tựu mới nhất của các ngành khoa học liên quan đến công tác giám định thuốc bảo vệ thực vật trong và ngoài nước;

e) Nắm được tình hình sản xuất, kinh tế, chính trị, xã hội, có liên quan đến hoạt động kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

g) Chủ trì hoặc tham gia công trình nghiên cứu khoa học hoặc đề án đã được Hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp tỉnh công nhận và đưa vào áp dụng có hiệu quả.

4. Việc thăng hạng chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II

Viên chức thăng hạng từ chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II phải có thời gian giữ chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III tối thiểu đủ 02 (hai) năm.

Điều 9. Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III - Mã số: V.03.02.05

1. Nhiệm vụ

a) Tổ chức, thực hiện được việc kiểm định chất lượng, dư lượng, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra công nhân, kỹ thuật viên chuẩn bị thiết bị, vật tư, pha chế hoá chất và thuốc bảo vệ thực vật và tiến hành một số khâu trong quy trình phân tích, khảo nghiệm;

c) Trực tiếp tiến hành những khâu phức tạp trong quy trình phân tích khảo nghiệm;

d) Kiểm tra, tổng hợp các số liệu để kết luận hoặc báo cáo về kết quả kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

đ) Tham gia xây dựng, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về giám định thuốc bảo vệ thực vật;

e) Bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật cho viên chức hạng thấp hơn;

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành bảo vệ thực vật hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của các ngành liên quan đến nhiệm vụ được giao;

b) Nắm được pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

c) Nắm được quy trình, quy phạm kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

d) Nắm được phương pháp, kỹ năng phân tích, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

đ) Nắm được quy tắc an toàn đối với hoá chất và thuốc bảo vệ thực vật, tính năng tác dụng của thuốc, hoá chất, công dụng của vật tư, thiết bị dùng để phân tích, khảo nghiệm thuốc đó;

e) Nắm được tình hình sử dụng thuốc và tình hình bảo vệ thực vật trong địa bàn;

4. Việc thăng hạng chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III

Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III phải đáp ứng đủ các quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này và có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, phải có thời gian công tác giữ chức danh kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

b) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp, phải có thời gian công tác giữ chức danh kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

Điều 10. Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV - Mã số: V.03.02.06

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện việc chuẩn bị vật tư, thiết bị cho việc kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; pha chế một số dung dịch hoá chất cơ bản phục vụ cho việc phân tích và pha chế thuốc để khảo nghiệm;

b) Tiến hành một hoặc nhiều khâu của quy trình kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

c) Quan trắc, ghi chép thống kê các số liệu về chỉ tiêu theo dõi của việc phân tích, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

d) Sử dụng, bảo quản trang thiết bị, vật tư dùng cho kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; chịu trách nhiệm cá nhân về các trang, thiết bị, vật tư đó.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên phù hợp chuyên ngành về bảo vệ thực vật;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được các quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật liên quan đến nhiệm vụ được giao;

b) Nắm được quy trình, quy phạm kiểm định và khảo nghiệm những loại thuốc bảo vệ thực vật được phân công thực hiện;

c) Nắm được tính năng tác dụng, công dụng của một số thiết bị, vật tư dùng cho kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật và phương pháp sử dụng, bảo quản;

d) Nắm được phương pháp, kỹ năng pha chế một số hoá chất dùng để phân tích và thuốc bảo vệ thực vật để khảo nghiệm.

Chương IV

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KIỂM NGHIỆM CÂY TRỒNG

Điều 11. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm cây trồng

1. Tâm huyết với nghề, chủ động nghiên cứu, khiêm tốn học hỏi, áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong công tác;

2. Có tinh thần đoàn kết nội bộ, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao;

3. Chấp hành nghiêm túc các quy định, quy chế hoạt động nghề nghiệp;
4. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
5. Có trách nhiệm quản lý tài sản, vật tư, máy móc và các trang thiết bị, tài liệu phục vụ công tác kiểm nghiệm cây trồng.

Điều 12. Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II - Mã số: V.03.03.07

1. Nhiệm vụ

- a) Tham gia lập kế hoạch công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống cây trồng, sản phẩm cây trồng của một số loại giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón, tổ chức thực hiện kế hoạch có hiệu quả và chính xác;
- b) Tổ chức, thực hiện công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm, giống cây trồng, phân bón; kiểm định giống cây trồng, sản phẩm cây trồng và kiểm tra giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón trên cơ sở đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ về khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón; kiểm định giống cây trồng, sản phẩm cây trồng;
- c) Chủ trì tổ chức và thực hiện các quy trình sản xuất quy trình công nghệ và đề xuất kịp thời các biện pháp trong quá trình sản xuất giống, kinh doanh giống, phân bón và trong quá trình khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón; kiểm định giống cây trồng; kiểm tra chất lượng giống cây trồng và sản phẩm cây trồng, phân bón của các cơ sở sản xuất và kinh doanh giống cây trồng, phân bón;
- d) Chủ trì hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học về khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón; kiểm định giống cây trồng;
- đ) Tham gia xây dựng và sửa đổi tiêu chuẩn chất lượng hạt giống, phân bón và các quy phạm khảo nghiệm giống, quy trình kỹ thuật, phương pháp kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón; kiểm định giống cây trồng;
- e) Tham gia soạn thảo nội dung chương trình và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật cho các hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thấp hơn về lĩnh vực khảo nghiệm giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành trồng trọt hoặc chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm;
- b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng, phân bón, pháp lệnh chất lượng hàng hoá và các luật về giống cây trồng, phân bón của các nước có liên quan;

b) Nắm vững các quy trình, quy phạm về khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và kiểm tra chất lượng giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón;

c) Thông thạo các kỹ thuật trong công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng giống cây trồng, sản phẩm cây trồng và cấp chứng chỉ hạt giống, sản phẩm cây trồng, phân bón;

d) Sử dụng thành thạo các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm phục vụ kiểm nghiệm giống, kiểm nghiệm sản phẩm cây trồng, bảo quản mẫu giống cây trồng, phân bón, phát hiện được những sự cố xảy ra trong quá trình sử dụng thiết bị;

đ) Nắm được những tiến bộ khoa học kỹ thuật về công tác giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón trong và ngoài nước;

e) Chủ trì hoặc tham gia công trình nghiên cứu khoa học hoặc đề án đã được Hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp tỉnh công nhận và đưa vào áp dụng có hiệu quả.

4. Việc thăng hạng chức danh kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II

Viên chức thăng hạng từ chức danh kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III lên chức danh kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II phải có thời gian giữ chức danh kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III tối thiểu đủ 02 (hai) năm.

Điều 13. Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III - Mã số: V.03.03.08

1. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện việc khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định một số loại giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón theo sự phân công, tổ chức thực hiện các kế hoạch, phương án đó có hiệu quả, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình;

b) Tổ chức thực hiện việc khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón đúng quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ, ghi chép thống kê chính xác các kết quả khảo nghiệm, kiểm nghiệm theo biểu mẫu và chịu trách nhiệm về kết quả của mình. Trực tiếp kiểm tra quy trình sản xuất và kinh doanh giống, phân bón để phục vụ cho công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón, kiểm định phân bón;

c) Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước về công tác giống cây trồng, phân bón và chất lượng hàng hoá;

d) Đánh giá và tổng kết quá trình khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón; kiểm định giống cây trồng thuộc lĩnh vực được phân công, trên cơ sở đó đề xuất những ý kiến cần bổ sung cho quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ về khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón; kiểm định giống cây trồng;

đ) Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan về khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng, phân bón;

e) Thực hiện bồi dưỡng về nghiệp vụ khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón; kiểm định giống cây trồng cho các kỹ thuật viên và các cộng tác viên.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành trồng trọt hoặc các chuyên ngành khác phù hợp vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của ngành liên quan đến công tác được giao;

b) Nắm vững kiến thức cơ bản về công tác giống cây trồng, phân bón;

c) Nắm vững các quy trình quy phạm về khảo kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón;

d) Biết sử dụng và thành thạo thao tác sử dụng các thiết bị trong phòng thí nghiệm để phục vụ kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón;

đ) Hiểu biết mối quan hệ và sự phối hợp trong quá trình khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón.

4. Việc thăng hạng chức danh kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III

Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên chức danh kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III phải đáp ứng đủ các quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này và có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV, cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, phải có thời gian công tác giữ chức danh kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

b) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp, phải có thời gian công tác giữ chức danh kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

Điều 14. Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV-Mã số: V.03.03.09

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện lấy mẫu, chia mẫu, bảo quản mẫu và lưu mẫu khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón;

b) Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất thí nghiệm, thực hiện pha chế hoá chất kiểm nghiệm giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón theo đúng quy trình kỹ thuật;

c) Sử dụng bảo quản và bảo dưỡng các thiết bị, vật tư phòng thí nghiệm và chịu trách nhiệm cá nhân về các thiết bị vật tư đó;

d) Lập hồ sơ, ghi chép và thống kê số liệu kết quả khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón theo biểu mẫu quy định và chịu trách nhiệm về kết quả của mình;

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành trồng trọt hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng, phân bón;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được những nguyên lý cơ bản về khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng, phân bón; kiểm định giống cây trồng, sản phẩm cây trồng;

b) Nắm được nguyên lý vận hành những trang thiết bị đơn giản trong phòng kiểm nghiệm;

c) Hiểu được các chỉ tiêu cơ bản về chất lượng giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón và các phương pháp thử (phương pháp thí nghiệm);

d) Nắm được quy trình quy phạm pha chế hoá chất kiểm nghiệm;

đ) Hiểu được nguyên tắc và phương pháp lưu mẫu trong kho đối với giống cây trồng, phân bón.

Chương V

HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 15. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức quy định tại Thông tư liên tịch này phải căn cứ vào vị trí việc làm, nhiệm vụ, chuyên môn, nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định tại Điều 16 của Thông tư liên tịch này.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 16. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật quy định tại Quyết định số 417/TCCP-VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành nông nghiệp - công nghiệp thực phẩm và Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành danh mục các ngạch công chức và viên chức,

nay được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật quy định tại Thông tư liên tịch này, như sau:

1. Chức danh nghề nghiệp bảo vệ thực vật:

a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II (mã số V.03.01.01), đối với viên chức hiện đang giữ ngạch dự báo viên chính bảo vệ thực vật (mã số 09.059);

b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02), đối với viên chức hiện đang giữ ngạch dự báo viên bảo vệ thực vật (mã số 09.060);

c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.01.03), đối với viên chức hiện đang giữ ngạch kỹ thuật viên dự báo bảo vệ thực vật (mã số 09.061).

2. Chức danh nghề nghiệp giám định thuốc bảo vệ thực vật:

a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II (mã số V.03.02.04) đối với viên chức hiện đang giữ ngạch giám định viên chính thuốc bảo vệ thực vật (mã số 09.063);

b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.02.05) đối với viên chức hiện đang giữ ngạch giám định viên thuốc bảo vệ thực vật (mã số 09.064);

c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.02.06) đối với viên chức hiện đang giữ ngạch kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật (mã số 09.065).

3. Chức danh nghề nghiệp kiểm nghiệm cây trồng

a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II (mã số V.03.03.07), đối với viên chức hiện đang giữ ngạch kiểm nghiệm viên chính giống cây trồng (mã số 09.071);

b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III (mã số V.03.03.08), đối với viên chức hiện đang giữ ngạch kiểm nghiệm viên giống cây trồng (mã số 09.072);

c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV (mã số V.03.03.09), đối với viên chức hiện đang giữ ngạch kỹ thuật viên kiểm nghiệm giống cây trồng (mã số 09.073).

Điều 17. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên

chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II, giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II, kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm A2.2 (từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38);

b) Chức danh nghề nghiệp bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III, giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III, kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III được áp dụng hệ số lương viên chức loại A1 (từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

c) Chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV được áp dụng hệ số lương viên chức loại B (từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06).

2. Xếp lương khi hết tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp được tuyển dụng

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thì thực hiện xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

a) Trường hợp có trình độ đào tạo tiến sĩ chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật thì được xếp bậc 3, hệ số 3,00 của chức danh nghề nghiệp bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02), giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.02.05), kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III (mã số V.03.03.08);

b) Trường hợp có trình độ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật thì được xếp bậc 2, hệ số 2,67 của chức danh nghề nghiệp bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02), giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.02.05), kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III (mã số V.03.03.08);

c) Trường hợp có trình độ đào tạo cao đẳng chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật thì được xếp bậc 2, hệ số 2,06 của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.01.03), kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.02.06), kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV (mã số V.03.03.09).

3. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch trồng

trọt và bảo vệ thực vật quy định tại Quyết định số 417/TCCP-VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành nông nghiệp - công nghiệp thực phẩm, Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành danh mục các ngạch công chức và viên chức và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được thực hiện như sau:

a) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trồng trọt và bảo vệ thực vật có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và phần trăm phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn B đã xếp ngạch kiểm nghiệm viên giống cây trồng (mã số 09.072), bậc 5, hệ số lương 3,66 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Nay đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III (mã số V.03.03.08) thì xếp bậc 5, hệ số lương 3,66 của chức danh kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

b) Trường hợp viên chức có trình độ cao đẳng chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật khi tuyển dụng đã được xếp lương ở viên chức A0 theo quy định của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.01.03); kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.02.06); kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV (mã số V.03.03.09) thì việc xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV, được căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự) như sau:

Tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV, cứ sau thời gian 2 năm (đủ 24 tháng) được xếp lên 01 bậc lương (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn). Trường hợp trong thời gian công tác có

năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên.

Sau khi chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV nêu trên, nếu hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn so với hệ số lương đã hưởng ở ngạch cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn D, có trình độ cao đẳng chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật đã được tuyển dụng vào làm viên chức tại Trung tâm kiểm nghiệm giống cây trồng, đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 và đã xếp bậc 3, hệ số lương 2,72 của viên chức A0 kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, trong thời gian công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật. Nay được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV (mã số V.03.03.09) thì việc xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV như sau:

Thời gian công tác của ông Nguyễn Văn D từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, trừ thời gian tập sự 06 tháng, tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV và cứ 2 năm xếp lên 1 bậc thì đến ngày 01 tháng 7 năm 2014 được xếp vào bậc 5, hệ số lương 2,66 của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV; thời gian hưởng bậc lương mới ở chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014; đồng thời hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,06 (2,72 - 2,66).

4. Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật được thực hiện sau khi đã được cấp có

thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trồng trọt và bảo vệ thực vật quy định tại Thông tư liên tịch này và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với viên chức hiện đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập và giữ các ngạch như: ngạch chuyên viên cao cấp (mã số 01.001), giám định viên cao cấp thuốc bảo vệ thực vật (mã số 09.062), kiểm nghiệm viên cao cấp giống cây trồng (mã số 09.070) hoặc các ngạch khác tương đương được bảo lưu ngạch, bậc lương hiện hưởng và được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định cho đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác hoặc thôi việc.

2. Trường hợp viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch các chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật quy định tại Quyết định số 417/TCCP-VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành nông nghiệp - công nghiệp thực phẩm và Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành danh mục các ngạch công chức và viên chức, nay quy định tại Thông tư liên tịch này thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức cử viên chức tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm.

3. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch: kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật (mã số 09.065), kỹ thuật viên kiểm nghiệm giống cây trồng (mã số 09.073), kỹ thuật viên dự báo bảo vệ thực vật (mã số 09.061) theo quy định tại Quyết định số 417/TCCP-VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành nông nghiệp - công nghiệp thực phẩm tính đến ngày Thông tư liên tịch có hiệu lực thi hành mà không đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV thì được bảo lưu và thực hiện các chế độ, chính sách ở ngạch hiện giữ trong thời gian không quá 05 (năm) năm kể từ ngày Thông tư liên tịch có hiệu lực thi hành. Đối với kỹ thuật viên bảo

vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV chưa đạt chuẩn (chưa đạt trình độ trung cấp hoặc tương đương) tính đến thời điểm Thông tư liên tịch có hiệu lực thi hành có tuổi đời dưới 55 tuổi đối với nam và dưới 50 tuổi đối với nữ, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức phải bố trí cho viên chức học tập nâng cao trình độ để đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV. Nếu viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện ở chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV thì cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức báo cáo cơ quan, đơn vị quản lý viên chức để xem xét, quyết định bổ nhiệm vào chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV, kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV. Trường hợp viên chức được cử đi học tập nâng cao trình độ mà không tham gia học tập hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức báo cáo cơ quan, đơn vị quản lý viên chức xem xét bố trí lại công tác hoặc thực hiện tinh giản biên chế.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2015.
2. Bãi bỏ tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch bảo vệ thực vật, dự tính, dự báo bảo vệ thực vật, kiểm nghiệm giống cây trồng quy định tại Quyết định số 417/TCCP-VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) Ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành Nông nghiệp - Công nghiệp thực phẩm.
3. Bãi bỏ quy định về danh mục các ngạch viên chức chuyên ngành dự báo bảo vệ thực vật, kiểm nghiệm giống cây trồng tại Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và các ngạch viên chức.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư liên tịch này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Các cơ sở, tổ chức, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được vận dụng các quy định tại Thông tư liên tịch này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật.

3. Cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật theo quy định tại Thông tư liên tịch này đối với viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật tương ứng trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

b) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý từ ngạch viên chức hiện giữ sang các chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật tương ứng quy định tại Thông tư liên tịch này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc diện quản lý vào các chức danh chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật tương ứng trong các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

d) Hàng năm báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ.

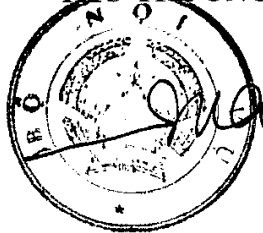
Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định tại Thông tư liên tịch này.

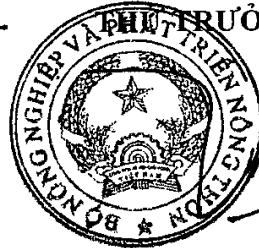
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết ./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG**



Trần Anh Tuấn

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Văn Tám

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ và Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ NN&PTNT: Bộ trưởng, Thứ trưởng và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, Thứ trưởng và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ NN&PTNT, Bộ Nội vụ;
- Lưu: Bộ NN&PTNT (VT, Vụ TCCB), Bộ NV (VT, Vụ Tiền lương, Vụ CCVC). (400 bản).